

DAKINI PURE LAND — KHECHARA

CỐI TỊNH ĐỘ CỦA DAKINI — KHECHARA (KHACHÖ)

A concise, source-based introduction / Giới thiệu ngắn dựa trên nguồn Phật giáo Tây Tạng chính thống

1. What is the Dakini Pure Land? / Tịnh Độ Dakini là gì?

In Tibetan Vajrayāna, “Dakini Pure Land” commonly refers to Khechara (Sanskrit: Khecara/Khecarī; Tibetan: mkha’ spyod, often rendered Khachö), especially the pure realm associated with Vajrayoginī or Vajravārāhī. The expression literally evokes “sky-going” or “moving in space.” It belongs particularly to tantric traditions connected with Cakrasaṃvara and Vajrayoginī.

Trong Kim Cương thừa Tây Tạng, “Tịnh Độ Dakini” thường chỉ Khechara (Tạng: mkha’ spyod, thường phiên âm Khachö), đặc biệt là cõi thanh tịnh gắn với Vajrayoginī hoặc Vajravārāhī. Tên gọi gợi nghĩa “đi trong không gian / hành trong hư không”. Khái niệm này đặc biệt thuộc các truyền thống Mật thừa liên hệ với Cakrasaṃvara và Vajrayoginī.

2. A Pure Land for Awakening / Tịnh độ hướng đến giác ngộ

A Buddhist pure land is not simply a paradise for worldly enjoyment. Its defining religious purpose is that conditions are exceptionally conducive to Dharma practice and awakening. In tantric explanations, Khechara can therefore be spoken of both as a pure realm and, at a deeper level, in relation to realization itself.

Tịnh độ trong Phật giáo không đơn giản là một thiên đường để hưởng lạc thế gian. Ý nghĩa căn bản là nơi có những điều kiện đặc biệt thuận lợi cho việc tu Pháp và tiến đến giác ngộ. Vì vậy, trong các giải thích Mật thừa, Khechara vừa có thể được nói đến như một cõi thanh tịnh, vừa — ở tầng nghĩa sâu hơn — liên hệ đến chính sự chứng ngộ.

3. Vajrayoginī and Khechara / Vajrayoginī và Khechara

Classical Vajrayoginī traditions repeatedly connect the deity with Khechara. Traditional prayers aspire to encounter Vajrayoginī and to attain the state or realm of Khechara. FPMT’s lineage materials likewise describe the aspiration to reach Vajrayoginī’s pure land, Khachö, and explicitly place such aspirations within Vajrayoginī tantric practice.

Các truyền thống Vajrayoginī cổ điển nhiều lần liên kết vị bổn tôn này với Khechara. Những lời nguyện truyền thống cầu được gặp Vajrayoginī và thành tựu trạng thái hay cõi Khechara. Tài liệu truyền thừa của FPMT cũng nói đến nguyện vọng đạt Tịnh độ Khachö của Vajrayoginī, và đặt điều này rõ ràng trong khuôn khổ pháp tu Mật thừa Vajrayoginī.

4. What is a Ḍakini? / Dakini là gì?

The Sanskrit word *dākinī* has a rich range of meanings in Vajrayāna and should not simply be translated as “goddess” or “angel.” Tantric sources distinguish different classes of *dākinīs*. The *Cakrasaṃvara*-related tantra *Equal to the Sky*, preserved in the Tibetan Kangyur, discusses sky-dwelling, earth-dwelling, and subterranean *dākinīs*. Other Tibetan traditions distinguish spontaneously born, pure-land-born, and mantra-born *dākinīs*.

Từ Phạn dākinī có nhiều tầng nghĩa trong Kim Cương thừa và không nên đơn giản dịch thành “nữ thần” hay “thiên thần”. Các nguồn Mật thừa phân biệt nhiều loại dakini. Mật điển liên hệ Cakrasaṃvara Equal to the Sky, được bảo tồn trong Kangyur Tây Tạng, trình bày dakini hành trong hư không, trên mặt đất và dưới lòng đất. Các truyền thống Tây Tạng khác còn phân biệt dakini tự sinh, sinh từ tịnh độ và sinh từ mantra.

5. Is Khechara the same as Amitābha’s Sukhāvātī? / Có giống Cực Lạc của Amitābha không?

They should not simply be treated as identical. Sukhāvātī is the pure land of Amitābha known especially through Mahāyāna sūtras. Khechara is especially associated with Vajrayoginī/Vajravārāhī and tantric lineages. Both are described as pure realms conducive to awakening, but their scriptural sources, practices, imagery, and lineage contexts differ.

Không nên đồng nhất hai cõi này. Sukhāvātī (Cực Lạc) là Tịnh độ của Phật Amitābha, đặc biệt được biết qua các kinh Đại thừa. Khechara lại đặc biệt gắn với Vajrayoginī/Vajravārāhī và các truyền thừa Mật thừa. Cả hai đều được trình bày như những cõi thanh tịnh thuận lợi cho giác ngộ, nhưng nguồn kinh điển, pháp tu, biểu tượng và bối cảnh truyền thừa khác nhau.

6. The deeper meaning / Ý nghĩa sâu hơn

Some contemporary explanations of Tibetan Buddhism emphasize that “pure land” also has an inner meaning: the deepest pure land is associated with the clear-light level of mind, where the conditions for awakening are complete. This helps prevent a purely geographical reading of Khechara. Nevertheless, Tibetan traditions also preserve prayers and narratives that speak of Khechara as a realm to which accomplished practitioners aspire to go.

Một số giải thích Phật giáo Tây Tạng hiện đại nhấn mạnh rằng “tịnh độ” cũng có ý nghĩa nội tại: ở tầng sâu nhất, tịnh độ được liên hệ với tâm quang minh, nơi những điều kiện cho giác ngộ được viên mãn. Điều này giúp tránh hiểu Khechara chỉ như một địa điểm địa lý. Tuy vậy, truyền thống Tây Tạng cũng bảo tồn nhiều lời nguyện và truyện truyền thừa nói về Khechara như một cõi mà hành giả thành tựu nguyện được sinh đến.

7. Important note for beginners / Lưu ý quan trọng cho người mới

Learning what Khechara means, reading unrestricted prayers or historical explanations, and making a general aspiration toward awakening are different from

undertaking Vajrayoginī tantric sādhana. Many detailed Vajrayoginī practices are restricted and traditionally require the appropriate empowerment and instructions from a qualified teacher. This page therefore gives background information only; it does not present restricted visualization, mantra, completion-stage, or self-initiation instructions.

Tìm hiểu Khechara là gì, đọc những lời nguyện không bị hạn chế hay tìm hiểu lịch sử truyền thống khác với việc thực hành sādhana Mật thừa Vajrayoginī. Nhiều pháp Vajrayoginī chi tiết thuộc loại hạn chế và theo truyền thống đòi hỏi quán đảnh thích hợp cùng chỉ dẫn của một vị thầy đủ phẩm tính. Vì vậy trang này chỉ cung cấp kiến thức nền; không trình bày quán tưởng, mantra, giai đoạn viên mãn hay pháp tự quán đảnh thuộc nội dung hạn chế.

SOURCES / NGUỒN THAM KHẢO

1. 84000: Translating the Words of the Buddha. Equal to the Sky (Toh 386), a Cakrasaṃvara-related Yoginī Tantra preserved in the Tibetan Kangyur. Its introduction explains the three classes of ḍākinī discussed by the tantra.
2. Lotsawa House. Vajrayoginī Series; Jamyang Khyentse Wangpo, Harmonious Clouds of Sublime and Lasting Bliss; and Ngorchon Könchok Lhundrup, The Staircase Ascending to Khecara. These pages preserve translations from Tibetan sources and identify Khechara/Khachö with the Vajrayoginī tradition.
3. Foundation for the Preservation of the Mahayana Tradition (FPMT). Vajrayoginī practice materials, including The Intermediate Practices of Vajrayogini and Secret Advanced Practices of Vajrayogini. FPMT explicitly describes Khachö as Vajrayoginī's pure land and marks advanced practice materials as requiring appropriate empowerment.
4. Study Buddhism (Alexander Berzin Archives). Explanations of pure-land practice in tantra, including the deeper interpretation of pure land in relation to the clear-light state of mind.

Editorial note / Ghi chú biên tập: This introductory page intentionally avoids restricted tantric instructions. / Trang giới thiệu này cố ý không đưa vào những chỉ dẫn Mật thừa thuộc loại hạn chế.